

Bản án số: 02/2021/DS-ST
Ngày: 04/6/2021
V/v: “*Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thúy và bà Lê Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Long- Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 04/6/2021 tại phòng xét xử, Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2020/TLST-DS ngày 16/7/2020 “*tranh chấp về Hợp đồng tín dụng*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/QĐXXST-DS ngày 04/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-DS ngày 20/5/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Địa chỉ: Số x T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Danh T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B Chi nhánh HD (theo Quyết định v/v ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017). Người được ủy quyền lại: Ông Hoàng Phúc Tr, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh- Ngân hàng TMCP B Chi nhánh HD. Địa chỉ: Số m2 đường NQ, phường PNL, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (theo Quyết định v/v ủy quyền số 53 ngày 18/3/2020). (ông Trường có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình T**, sinh năm 1982 và chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1988; Nơi đăng ký hộ khẩu: Khu y, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. (đều vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số nhà C khu bờ sông, đường BL, khu z, phường H, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1956; Địa chỉ: Khu dân cư Phú Tảo, phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền- ông Hoàng Phúc Tr trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần B- Chi nhánh HD (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và vợ chồng anh Nguyễn Đình T, chị Nguyễn Thị N cùng ký kết Hợp đồng

cấp tín dụng số 070/2017/HĐTD-TDH ngày 05/4/2017 và Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 126/2017/KU-LPBHD ngày 11/4/2017. Theo đó ngân hàng cho vợ chồng anh T, chị N vay số tiền 350.000.000đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng); mục đích vay: Mua sắm đồ dùng sinh hoạt; thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày 12/4/2017; phương thức cho vay: vay từng lần; Lãi suất cho vay trong hạn là: Lãi suất cố định trong 3 tháng đầu là 10,75%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; phương thức điều chỉnh lãi suất: Lãi suất được thay đổi định kỳ 3 tháng/1 lần, kể từ thời điểm giải ngân (ngày 11/4/2017); Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả vào ngày 15 của tháng thứ 3 (1 kỳ= 3 tháng), chia làm 20 kỳ trả gốc, mỗi kỳ trả 17.500.000đồng, kỳ trả gốc và trả lãi đầu tiên vào ngày 15/7/2017; hình thức giải ngân: Chuyển tiền vào tài khoản số 2700107030009 tên bà Nguyễn Thị K mở tại Ngân hàng TMCP QĐ(MB)- Chi nhánh HD.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng trên của anh T, chị N, bà Phạm Thị T1 đã tự nguyện dùng tài sản riêng của bà để thế chấp cho Ngân hàng. Bà T1 và Ngân hàng ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 070/2017/HĐTC/CNHaiDuong vào ngày 05/4/2017. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 19, diện tích 55m², địa chỉ: Khu x, phường HT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương, tài sản trên đất là ngôi nhà một tầng, cấp 4, diện tích sàn xây dựng là 47,2m² được UBND thành phố HD cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 552449 ngày 09/01/2012. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng Công chứng số 1 tỉnh Hải Dương ngày 05/4/2017 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố HD ngày 10/4/2017. Giá trị tài sản bảo đảm đã được các bên thống nhất định giá là 502.000.000đồng, là cơ sở xác định mức cho vay tối đa, không có giá trị khi phát mại tài sản.

Ngày 11/4/2017, ngân hàng đã giải ngân cho anh T, chị N vay số tiền 350.000.000đồng.

Quá trình trả nợ: Đại diện Ngân hàng xác định: Sau khi ngân hàng giải ngân số tiền vay, tính đến ngày 23/4/2019 anh T, chị N đã trả cho ngân hàng số tiền gốc là 140.000.042đồng, tiền lãi trong hạn đã trả tính đến ngày 15/7/2019 là 69.521.120đồng. Từ ngày 01/8/2019 do anh T, chị N không trả nợ gốc, lãi theo đúng kì hạn theo hợp đồng tín dụng. Sau nhiều lần đôn đốc không có kết quả, khoản vay của anh chị đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 01/8/2019.

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 30/6/2020, Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương giải quyết buộc vợ chồng anh T, chị N phải trả nợ cho ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng với số tiền gốc còn nợ là 209.999.958đồng, tổng nợ lãi là 35.903.102đồng và phải chịu tiền lãi quá hạn phát sinh từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày anh chị TN trả hết nợ cho ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nếu anh T, chị N không thanh toán trả nợ cho ngân hàng, bên thế chấp (bà Phạm Thị T1) không trả nợ thay theo như cam kết trong Hợp đồng thế chấp

thì đề nghị Tòa án cho phát mại tài sản bảo đảm của bà Phạm Thị T1 đã thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập anh T, chị N đến làm việc nhưng anh chị đều vắng mặt, không có lý do. Xác minh tại địa phương và gia đình anh chị thể hiện: Anh T, chị N đăng ký hộ khẩu tại Khu y, thị trấn G, huyện G đến nay. Vào khoảng năm 2019, do làm ăn thua lỗ, anh chị bán nhà, đất tại địa chỉ số m2 phố TN, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương để trả nợ, sau đó đi làm ăn ở nơi khác, gửi hai con cho mẹ anh T là bà Trần Thị H nuôi, không cho gia đình biết địa chỉ cụ thể, anh chị không làm thủ tục chuyển khẩu đi nơi khác. Bà H đã nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc gửi cho vợ chồng anh T, bà Nguyễn Thị K là mẹ của chị N cũng thông báo cho vợ chồng anh T biết việc khởi kiện của ngân hàng nhưng anh chị vẫn không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị T1 trình bày: Tháng 4/2017 bà biết vợ chồng anh T, chị N kí hợp đồng tín dụng vay tiền của ngân hàng TMCP B- Chi nhánh HD số tiền 350.000.000đồng, mục đích để mua sắm đồ dùng gia đình. Do có mối quan hệ quen biết với vợ chồng anh T, bà đã tự nguyện ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 05/4/2017 để bảo đảm cho khoản vay của anh T, chị N. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm như nguyên đơn trình bày. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nằm trên diện tích đất 55m², thửa số 15n, tờ bản đồ số 1u, tại khu y phường HT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Ngân hàng xác định vợ chồng anh T đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc tính đến ngày 23/4/2019 là 140.000.042đồng, tiền lãi trong hạn đã trả tính đến ngày 15/7/2019 là 69.521.120đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng: Bà T1 mong Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng anh T thêm thời gian để anh chị đi làm trả nợ cho ngân hàng đồng thời xin giảm bớt tiền lãi cho anh chị. Bà xác định tài sản thế chấp là tài sản riêng của bà và kể từ khi thế chấp tài sản cho đến nay diện tích đất và ngôi nhà không có sự biến động, thay đổi gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà xác định bà mở tài khoản số 2700107030009 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần QĐ- Chi nhánh HD. Vợ chồng anh chị TN không nói cho bà biết việc vay tiền của ngân hàng và chuyển số tiền đó vào tài khoản trên của bà. Bà đề nghị ngân hàng cung cấp tài liệu chứng minh.

Tại Công văn số 467/MB-HDU ngày 26/10/2020 v/v cung cấp thông tin, Ngân hàng TMCP QĐ (MB)- Chi nhánh HD cung cấp: Thực hiện rà soát trên hệ thống, bà Nguyễn Thị K mở tài khoản tại Ngân hàng TMCP QĐ- Chi nhánh HD ngày 21/3/2016, tên chủ tài khoản Nguyễn Thị K, số tài khoản 2700107030009. Ngày 12/4/2017, tài khoản của bà K nhận số tiền 350.000.000đồng, đơn vị chuyển tiền: Ngân hàng TMCP B- Chi nhánh HD, nội dung thanh toán tiền mua hàng. Ngay trong ngày 12/4/2017 số tiền 350.000.000đồng đã được rút. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bà K đã thừa nhận nội dung này. Vào

ngày 18/9/2020, bà Nguyễn Thị K đã tự nguyện trả cho khoản vay của vợ chồng anh T tại Ngân hàng TMCP B- Chi nhánh HD số tiền 15.000.000đồng. Ngân hàng đã trừ số tiền 15.000.000đồng vào số nợ gốc và xác định anh T, chị N còn nợ số tiền gốc là 194.999.934đồng và các khoản lãi phát sinh tính từ thời điểm vi phạm theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Ngày 28/12/2020, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 25500.16.271.2711768.BĐ ngày 05/4/2017; Kết quả xác minh tại địa phương đều thể hiện: Thửa đất số 158, tờ bản đồ số 19 ở địa chỉ khu y phường HT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương và tài sản gắn liền với đất là một ngôi nhà một tầng cấp 4 không có biến động gì từ khi xây dựng, thế chấp cho đến nay, không có tranh chấp với các hộ giáp ranh; kết quả thẩm định cho thấy ngoài diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra còn có thêm 2,6m² đất trên đó có một phần lán tôn của bà Phạm Thị T1- địa phương xác định diện tích đất và phần lán tôn này nằm trên rãnh thoát nước thuộc sự quản lý của UBND phường HT, thành phố HD. UBND phường HT đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đối với phần liên quan đến 2,6m² đất này sẽ do địa phương làm việc với bà Phạm Thị T1. Ngày 26/4/2021, bà T1, đại diện ngân hàng đều xác định thửa đất và tài sản gắn liền với đất đã thế chấp vẫn giữ nguyên hiện trạng, không có biến động, thay đổi gì so với hiện trạng tài sản tại thời điểm đăng ký thế chấp cho ngân hàng.

Người làm chứng bà Trần Thị Hạnh xác định: Anh T, chị N vay vốn làm ăn nhưng không do bị thua lỗ nên đã bán nhà đất ở địa chỉ số m2 phố TN, khu x, thị trấn G để trả nợ, gửi hai con lại cho bà nuôi và đi làm ăn ở nơi khác, thi thoảng anh chị mới gọi điện về cho bà. Nay ngân hàng khởi kiện đòi nợ anh chị, bà cũng đã thông báo cho anh T, chị N biết, anh chị nói lại với bà là do đang ở xa, không về được và xin ngân hàng cho anh chị thời gian để làm ăn, kiếm tiền trả nợ cho ngân hàng. Bà nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và cam đoan sẽ thông báo lại cho anh chị TN, nhất trí để Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng tại nhà bà (số 6 phố TN, Khu y, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương).

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi phạt lãi và lãi phạt gốc; đề nghị HĐXX giải quyết buộc vợ chồng anh T, chị N thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền gốc còn lại là 194.999.910đồng; tiền lãi tính từ ngày 01/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 37.938.314đồng (gồm lãi trong hạn là 1.365.972đồng, lãi quá hạn là 36.572.342đồng); yêu cầu bị đơn phải chịu số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ cho ngân hàng và án phí theo quy định của pháp luật và các nội dung khác theo đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: - Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về

việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. - Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các điều 299, 320, 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B, buộc vợ chồng anh Nguyễn Đình T, chị Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B tính đến ngày xét xử sơ thẩm 04/6/2021, anh T, chị N còn nợ ngân hàng TMCP B gồm: nợ gốc là 194.999.910đồng, nợ lãi trong hạn là 1.365.972đồng, nợ lãi quá hạn là 36.572.342đồng. Đình chỉ yêu cầu của ngân hàng về yêu cầu anh T, chị N phải trả tiền lãi phạt gốc, lãi phạt lãi. Sau ngày xét xử nếu anh T, chị N không trả nợ thì tiếp tục phải chịu lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc. Trường hợp anh T, chị N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên là thửa đất số 158, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: Khu y, phường HT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Về án phí: Anh T, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là vợ chồng anh Nguyễn Đình T, chị Nguyễn Thị N cùng ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần B- Chi nhánh HD mục đích: Mua sắm đồ dùng sinh hoạt. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng Thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu anh T, chị N thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Khi giao kết hợp đồng, địa chỉ của bị đơn thể hiện trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản là số nhà m2 phố TN, Khu y, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Đến năm 2019 anh T, chị N bán nhà đất tại địa chỉ này, gửi hai con cho mẹ anh T là bà Trần Thị H nuôi để đi làm ăn xa, không thông báo địa chỉ mới cho ngân hàng, chính quyền địa phương và gia đình biết. Điều đó chứng tỏ anh T, chị N cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thụ lý vụ án dân sự, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là “*tranh chấp về Hợp đồng tín dụng*” là đúng quy định của pháp luật.

- Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T, chị N thông qua bà Trần Thị H đồng thời tiến hành niêm yết công khai theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều vắng mặt, không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Hợp đồng tín dụng số 070/2017/HĐTD-TDH ngày 05/4/2017 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 126/2017/KU-LPBHD ngày 11/4/2017 được ký kết giữa hai bên, theo đó, Ngân hàng TMCP B- Chi nhánh HD giải ngân cho vợ chồng anh T, chị N vay số tiền 350.000.000đồng, chuyển khoản số tiền vay vào tài khoản số 2700107030009 tên bà Nguyễn Thị K mở tại Ngân hàng TMCP QĐ(MB)- Chi nhánh HD theo yêu cầu của khách hàng. Sau khi giải ngân, anh T, chị N đã nhận số tiền vay và thực hiện việc trả nợ, cụ thể tính đến ngày 23/4/2019 đã trả được số tiền gốc là 140.000.042đồng và tiền lãi trong hạn đến ngày 15/7/2019 là 69.521.120đồng, sau đó anh chị dừng việc trả nợ nên khoản vay chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 01/8/2019. Bà Nguyễn Thị K thừa nhận bà là chủ tài khoản số 2700107030009 mở tại Ngân hàng TMCP QĐ(MB)- Chi nhánh HD, ngày 12/4/2017 tài khoản của bà đã nhận số tiền 350.000.000đồng do Ngân hàng TMCP B- Chi nhánh HD chuyển khoản vay của vợ chồng anh T. Ngày 18/9/2020, bà K tự nguyện trả thay cho anh chị số tiền 15.000.000đồng. Ngân hàng đã trừ số tiền này vào số nợ gốc.

Qua nghiên cứu, HĐXX thấy Hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ được giao kết giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP B- Chi nhánh HD và bên vay vốn là vợ chồng anh T, chị N dựa trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức cũng như thỏa thuận về mức lãi suất của khoản vay trong hợp đồng (Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất cố định trong 3 tháng đầu là 10,75%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn) là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 116, 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 4, Điều 306 Luật Thương mại; các điều 90, 91, 94 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Bên cho vay đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình là chuyển tiền, bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ là phải trả nợ gốc và lãi theo định kỳ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện để thu hồi nợ của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP B là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận, buộc vợ chồng anh T, chị N phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ là 194.999.910đồng và số tiền lãi tính từ ngày khoản vay chuyển nợ quá hạn ngày 01/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 37.938.314đồng (trong đó, lãi trên nợ gốc trong hạn là 1.365.972đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn là 36.572.342đồng). Tổng số tiền gốc, lãi mà bị đơn có nghĩa vụ trả cho

ngân hàng tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 232.938.224 đồng được làm tròn thành 232.938.000 đồng; ngoài ra, anh chị còn phải trả lãi phát sinh tiếp theo từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản tiền vay theo đúng như hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2.2. Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất:

Bà Phạm Thị T1 là chủ sử dụng, chủ sở hữu hợp pháp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: khu y phường HT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương, diện tích đất 55m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 552449, số vào sổ cấp GCN số CH00009 do UBND thành phố HD cấp ngày 09/01/2012, tên người sử dụng đất: Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1967; địa chỉ: Số nhà C khu bờ sông, đường BL, khu y, phường HT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán khoản tiền vay của vợ chồng anh T, chị N tại Ngân hàng TMCP B- Chi nhánh HD, vào ngày 05/4/2017 bà T1 đã tự nguyện thế chấp tài sản nói trên cho Ngân hàng, tự nguyện ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 070/2017/HĐTC/CNHaiDuong ngày 05/4/2017. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng Công chứng số 1 tỉnh Hải Dương ngày 05/4/2017 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố HD ngày 10/4/2017.

Căn cứ quy định tại các điều 317, 318, 319 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 10, 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ thì việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về thế chấp tài sản; hợp đồng thế chấp có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, có giá trị pháp lý kể từ thời điểm Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố HD chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 10/4/2017, do đó buộc các bên có liên quan phải thực hiện. Nếu anh T, chị N không trả hoặc trả không đầy đủ nợ cho ngân hàng, bà T1 không trả nợ thay cho anh T, chị N thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ. Khi xử lý tài sản thế chấp, số tiền bán tài sản còn thừa sẽ trả lại cho bà Phạm Thị T1 nếu thiếu thì anh T, chị N phải trả nợ tiếp cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng là đúng quy định pháp luật. Nếu khoản vay được trả xong thì Ngân hàng có trách nhiệm giải chấp và trả toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị T1.

Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

[2.3] Về các vấn đề khác:

- Đối với yêu cầu của ngân hàng buộc vợ chồng anh T phải trả khoản tiền lãi phạt gốc và lãi phạt lãi: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu này, HĐXX chấp nhận.

- Đối với diện tích 2,6m² đất trên đó có một phần lán tôn của bà Phạm Thị T1 nằm trên rãnh thoát nước thuộc sự quản lý của UBND phường HT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương; phần tài sản này hiện do bà T1 đang quản lý, sử dụng và không thuộc tài sản thế chấp trong vụ án nên HĐXX không xem xét.

- Đối với số tiền 15.000.000đồng bà Nguyễn Thị K tự nguyện trả vào khoản vay của anh T, chị N: Bà K xác định đây là tiền riêng, tài sản riêng của bà, bà không đề nghị giải quyết, do đó, HĐXX không xem xét.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do nguyên đơn đã nộp số tiền này nên cần buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là đúng quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là $232.938.000\text{đồng} \times 5\% = 11.647.000\text{đồng}$ (đã được làm tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 229, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 116, 117, 280, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 4, Điều 306 Luật Thương mại; các điều 90, 91, 94 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán khoản tiền lãi phạt gốc và lãi phạt lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B đối với vợ chồng anh Nguyễn Đình T, chị Nguyễn Thị N, buộc vợ chồng anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền gốc còn nợ là 194.999.910đồng và số tiền lãi tính từ ngày khoản vay chuyển nợ quá hạn ngày 01/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/6/2021) là 37.938.314đồng (trong đó, lãi trên nợ gốc trong hạn là 1.365.972đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn là 36.572.342đồng). Tổng số tiền gốc, lãi mà bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 232.938.224đồng được làm tròn thành 232.938.000đồng (*Hai trăm ba mươi hai triệu, chín trăm ba mươi T1 nghìn đồng*).

Kể từ ngày 05/6/2021, vợ chồng anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo

mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các văn bản kế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Về xử lý tài sản bảo đảm:

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu vợ chồng anh Nguyễn Đình T, chị Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả số nợ trên; bà Phạm Thị T1 không trả nợ thay cho vợ chồng anh T thì Ngân hàng Thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- bà Phạm Thị T1 đã thế chấp cho ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 070/2017/HĐTC/CNHaiDuong ngày 05/4/2017 để thu hồi nợ là: Diện tích đất 55m², tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 19; địa chỉ: Khu y, phường HT, thành phố HD, tỉnh Hải Dương và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 552449, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00009 do Ủy ban nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương cấp ngày 09/01/2012, tên người sử dụng đất: Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1967; địa chỉ: Số nhà C khu bờ sông, đường BL, khu y, phường H, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Nếu số tiền bán tài sản thế chấp không đủ để thanh toán nghĩa vụ trả nợ thì anh T, chị N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền còn thiếu, nếu thừa tiền thì được trả lại cho bà Phạm Thị T1. Trường hợp khoản vay đã được thanh toán toàn bộ thì Ngân hàng phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị T1 và làm thủ tục giải chấp theo đúng quy định của pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm:

- Vợ chồng anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 11.647.000đồng (*mười một triệu, sáu trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*) (số tiền đã được làm tròn).

- Anh Nguyễn Đình T, chị Nguyễn Thị N phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000đồng. Do Ngân hàng Thương mại cổ phần B đã chi nên buộc vợ chồng anh T, chị N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 5.000.000đồng (*năm triệu đồng*).

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 12.856.000đồng (*mười hai triệu T1 trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2017/0008804 ngày 10/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/6/2021). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên, đóng dấu)

Trịnh Thị Ngọc Mai